

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 - 7 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Lệ Thu

Ông Lê Cao Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang, ghi biên bản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trương Bảo Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 320/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 490/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 522/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số D, tổ A, ấp B, xã B, huyện C (nay là ấp B, xã B), tỉnh An Giang. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Bạch Văn M, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số D, tổ A, ấp B, xã B, huyện C (nay là ấp B, xã B), tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thái Thị T trình bày và có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Giữa bà Thái Thị T và ông Bạch Văn M **thông qua việc người lớn mai mối, sau đó các bên cũng có thời gian tự tìm hiểu thêm và tiến đến hôn nhân, hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2011**, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01/2012 cấp ngày 03/01/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông M thường xuyên ghen tuông vô cớ, lời lẽ thô tục chửi mắng đuổi

xô bà thường xuyên, gia đình bên chồng cũng không thông cảm, không chịu hiểu cho hoàn cảnh của bà; sau đó bà về nhà mẹ ruột sinh sống tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang từ đầu năm 2015 cho đến nay, từ đó đến nay hai bên cũng đã ly thân. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông M, bà cam kết từ trước đến nay vụ việc ly hôn giữa bà và ông M chưa được giải quyết bằng bản án hay quyết định nào.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung với ông Bạch Văn M giữa ông, bà có 02 (hai) con chung chưa thành niên gồm Bạch Ngọc T1, sinh ngày 20/7/2012 và Bạch Gia P, sinh ngày 21/10/2015 từ trước đến nay bà đều là người trực tiếp nuôi con, sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thái Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Bạch Văn M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Bạch Văn M không có văn bản thể hiện ý kiến gửi cho Tòa án và không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Thái Thị T khởi kiện ông Bạch Văn M cư trú tại xã B, huyện C (nay là xã B), tỉnh An Giang yêu cầu ly hôn, giải quyết về nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Phiên tòa được mở lần thứ hai nhưng nguyên đơn bà Thái Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 06/6/2025, với nội dung đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà Thái Thị T. Ông Bạch Văn M đã được Tòa án triệu tập dự phiên tòa đúng theo quy định nhưng ông Bạch Văn M vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Thái Thị T và ông Bạch Văn M.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Thái Thị T và ông Bạch Văn M là hôn nhân hợp pháp bởi ông, bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Xem xét yêu cầu ly hôn của bà Thái Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông, bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông bà không có sự cảm thông cho nhau. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, ông Bạch Văn M không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện không có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của bà Thái Thị T. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Thái Thị T là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Thái Thị T được ly hôn với ông Bạch Văn M.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo giấy khai sinh của Bạch Ngọc T1, sinh ngày 20/7/2012 và Bạch Gia P, sinh ngày 21/10/2015 cũng như lời trình bày của bà Thái Thị T; biên bản ghi nhận ý kiến nguyện vọng con chung và nội dung biên bản xác minh tại Văn phòng ấp B, xã B, huyện C (nay là ấp B, xã B), tỉnh An Giang thì giữa bà T và ông Bạch Văn M có con 02 (hai) con chung chưa thành niên là Bạch Ngọc T1, sinh ngày 20/7/2012 và Bạch Gia P, sinh ngày 21/10/2015 hiện các con chung chưa thành niên đang do bà Thái Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy, theo tài liệu chứng cứ hồ sơ vụ án thể hiện con chung chưa thành niên Bạch Ngọc T1, sinh ngày 20/7/2012 và Bạch Gia P, sinh ngày 21/10/2015 đã và đang được bà Thái Thị T giáo dục, chăm sóc, nuôi dưỡng nên để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu T1, cháu P được ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở, sinh hoạt nên bà Thái Thị T yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên Bạch Ngọc T1 và Bạch Gia P là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung chưa thành niên tên Bạch Ngọc T1, sinh ngày 20/7/2012 và Bạch Gia P, sinh ngày 21/10/2015 cho bà Thái Thị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Bạch Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Thái Thị T và các thành viên trong gia đình của bà Thái Thị T không được cản trở ông Bạch Văn M thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Thái Thị T không có ý kiến, yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Thái Thị T trình bày giữa bà và ông Bạch Văn M về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay do không có mặt của ông Bạch Văn M để đối chất làm rõ các mối quan hệ này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Thái Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 và khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thái Thị T và ông Bạch Văn M.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01 cấp ngày 03/01/2012 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C (nay là xã B), tỉnh An Giang cấp cho bà Thái Thị T và ông Bạch Văn M không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Bà Thái Thị T và ông Bạch Văn M có 02 (hai) con chung chưa thành niên Bạch Ngọc T1, sinh ngày 20/7/2012 và Bạch Gia P, sinh ngày 21/10/2015. Giao con chung chưa thành niên tên Bạch Ngọc T1, sinh ngày 20/7/2012 và Bạch Gia P, sinh ngày 21/10/2015 cho bà Thái Thị T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Bạch Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Thái Thị T và các thành viên trong gia đình của bà Thái Thị T không được cản trở ông Bạch Văn M thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Thái Thị T không có ý kiến, yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Thái Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số **0009744** ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – An Giang). Bà Thái Thị T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Thái Thị T và ông Bạch Văn M vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 13 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 13-An Giang;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Công an xã Bình Mỹ;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Mai